



MẪU NHÃN VÀ TỜ HƯỚNG DẪN DÙNG THUỐC

Tên, địa chỉ cơ sở đăng ký và sản xuất:

CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC

6A 3 quốc lộ 60 p.Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tên thuốc: **MEYERFEN**

Dạng thuốc: Viên nang.

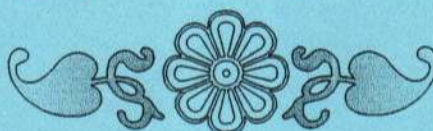
Nồng độ, hàm lượng:

-Acid mefenamic

250 mg

Loại thuốc đăng ký: Thuốc hoá dược.

Loại hình đăng ký: Đăng ký lại.



Năm 2012



HEG. NO. _____
SPECIFICATION: MANUFACTURER'S STANDARD
BOX OF 10 BLISTERS X 10 CAPSULES

Meifenamic acid 250 mg

W

Meyerfen

MEYER-BPC JOINT VENTURE COMPANY
6A2 National road No 60, Phu Tan ward, Bante city, Bante province-VN

READ THE INSTRUCTION CAREFULLY BEFORE USE.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

Please read the instruction.

Acid metenolamic 250 mg

Acid methanolic 250 mg

COMPOSITION:

најдеш M

Mejerfen

Meyerfen

Acid mefenamic 250 mg

SĐK: TIÊU CHUẨN: TCCS
HỘP 10 VI X 10 VIÊN NANG CỨNG



THÀNH PHẦN:

Acid metenamic	250 mg
----------------	--------

CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp

BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRÈ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Meyerfen

S6 16 SX:

Native SX:

Hàn dùng;

CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC

Bố 6A3 quốc lộ 60 p.Phù Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre-Việt nam

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
LIÊN DOANH
MEYER - BPC

ĐS. Nguyễn Văn Nén

MẪU ĐĂNG KÝ NHÃN THUỐC MEFENAMIC

[Handwritten signature]



TỔNG GIÁM ĐỐC



DS. Nguyễn Văn Nền

MẪU ĐĂNG KÝ HỘP THUỐC MEYERFEN

Meyerfen

Acid mefenamic 250 mg

SĐK: TIÊU CHUẨN: TCCS
HỘP 1 CHAI X 100 VIÊN NANG CỨNG



Meyerfen

THÀNH PHẦN:
Acid mefenamic 250 mg
CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Số lô SX:
Ngày SX:
Hạn dùng:

CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC
Số 8A3 quốc lộ 60 phường Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre-VN

Meyerfen

Mefenamic acid 250 mg

REG.NO:
SPECIFICATION: MANUFACTURER'S STANDARD
BOX OF 1 BOTTLE X 100 CAPSULES



Meyerfen

COMPOSITION:
Mefenamic acid 250 mg
INDICATIONS, CONTRAINDICATIONS, DOSAGE:
Please read the instruction.
STORAGE: In a cool, dry place. Protect from light.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ THE INSTRUCTION CAREFULLY BEFORE USE.

MEYER-BPC JOINT VENTURE COMPANY
8A3 National road No 60, Phu Dien ward, Ben Tre city, Ben Tre province-VN

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐS. Nguyễn Văn Nền

MẪU ĐĂNG KÝ TOA THUỐC MEYERFEN

MEYERFEN	
SBK: Tiêu chuẩn: TCCS	
THÀNH PHẦN: Acid melenamic 250 mg Tá dược: Tinh bột mì, polyvinyl pyrrolidon, natri starch glycolat, talc, magnesi stearat vừa đủ 1 viên.	
DẠNG BẢO CHẾ: Viên nang cứng.	
QUI CÁCH ĐÓNG GÓI: - Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng. - Hộp 1 chai 100 viên nang cứng.	
CHỈ ĐỊNH: - Điều trị các triệu chứng đau từ nhẹ đến trung bình (nhức đầu, đau răng). - Đau ở bộ máy vận động. - Đau bụng kinh sau khi đã xác định bệnh căn.	
CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Quá mẫn với acid melenamic và với các chất có tác động tương tự như thuốc kháng viêm không steroid khác, aspirin. - Loét dạ dày tá tràng đang tiến triển, viêm ruột. - Suy tế bào gan nặng, suy thận nặng. - Phụ nữ đang mang thai hoặc cho con bú.	
THẬN TRỌNG: - Có thể giảm liều ở người lớn tuổi. - Không dùng acid melenamic ở người có thể xảy ra cơn hen suyễn do dị ứng với aspirin hay với các thuốc kháng viêm không steroid. - Khi bắt đầu điều trị, cần theo dõi thể tích bài niệu, chức năng thận ở những bệnh nhân bị suy tim, suy gan hay suy thận mạn tính, ở những bệnh nhân đang được điều trị bằng thuốc lợi tiểu, sau phẫu thuật lớn có làm giảm thể tích máu và đặc biệt là ở bệnh nhân lớn tuổi. - Trong quá trình điều trị, đặc biệt khi điều trị lần đầu, cần kiểm tra thường xuyên các thông số máu (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu) và chức năng gan, thận.	
SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ: Tránh dùng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú.	
TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Không dùng thuốc khi lái xe hay vận hành máy vì thuốc gây chóng mặt và ngủ gật.	
TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN: - Trên hệ tiêu hóa: Tiêu chảy, buồn nôn kèm theo ói hoặc không, đau dạ dày, chán ăn, ợ nóng, đầy hơi, táo bón, loét đường tiêu hóa có xuất huyết hoặc không, có thể làm nặng hơn bệnh viêm đại tràng ở những người có tiền sử bệnh này. - Trên hệ hô hấp: Có thể xảy ra cơn hen phế quản ở một số người, nhất là những người bị dị ứng với aspirin hay các thuốc kháng viêm không steroid khác. - Trên thận: Suy thận với hoại tử nhú thận. - Trên cơ quan tạo máu: Thiếu máu tan máu sau khi dùng liên tục trên 12 tháng và thường hồi phục sau khi ngưng thuốc, giảm bạch cầu, tăng bạch cầu ái toan, ban xuất huyết tiểu cầu, mất bạch cầu hạt, giảm huyết cầu toàn thể, giảm sản tủy.	
TRÊN HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG: Chóng mặt, ngủ gật, căng thẳng, nhức đầu, rối loạn thị giác. - Trên da: Ban, mẩn, ngứa... - Tác dụng phụ khác: Ngứa mắt, đau tai, ra nhiều mồ hôi, bất thường chức năng gan nhẹ, tăng nhu cầu về insulin ở bệnh nhân bị tiểu đường, đánh trống ngực, khó thở và mất khả năng nhìn màu (bỏ phục khi ngưng thuốc). Thông báo cho Bác sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.	
TƯƠNG TÁC THUỐC: Không nên phối hợp với: - Thuốc chống đông dạng uống, heparin dạng tiêm vì tăng nguy cơ xuất huyết. Nếu buộc phải phối hợp, cần theo dõi lâm sàng và sinh học chặt chẽ. - Các thuốc kháng viêm không steroid khác, kể cả các salisilat liều cao, Ticlopidine vì tăng nguy cơ gây loét, xuất huyết tiêu hóa do hiệp đồng tác dụng, tăng cường theo dõi lâm sàng và sinh học, kể cả thời gian chảy máu. - Lithium gây tăng lithium huyết do giảm thải lithium ở thận. - Methotrexat liều cao ≥ 15 mg/tuần làm tăng độc tính trên máu. Thận trọng khi phối hợp với: - Thuốc lợi tiểu: có nguy cơ gây suy thận cấp ở bệnh nhân bị mất nước. - Methotrexat liều thấp ≤ 15 mg/tuần: tăng độc tính trên máu. - Pentoxifylline: tăng nguy cơ xuất huyết. - Zidovudin: tăng độc tính trên dòng hồng cầu. Lưu ý khi phối hợp với: - Thuốc trị cao huyết áp như thuốc chẹn beta, thuốc ức chế men chuyển, thuốc lợi tiểu: làm giảm hiệu lực của thuốc trị cao huyết áp. - Thuốc làm tan huyết khối: tăng nguy cơ xuất huyết.	
LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG: Dùng cho người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: - Điều trị đau: uống mỗi lần 1-2 viên, ngày 3 lần. - Giảm liều cho người lớn tuổi. - Điều trị đau bệnh kinh: uống mỗi lần 2 viên, ngày 3 lần. Thuốc được uống trong bữa ăn. Ngưng thuốc khi xuất hiện triệu chứng tiêu chảy hoặc ban đỏ da.	
SỬ DỤNG QUÁ LIỀU: - Triệu chứng quá liều: Độc tính trên thần kinh trung ương gồm: co giật, hôn mê. - Xử trí: Trong trường hợp dùng thuốc quá liều, cần chuyển ngay bệnh nhân đến bệnh viện, rửa dạ dày, dùng than hoạt tính để làm giảm hấp thu acid melenamic kết hợp với điều trị triệu chứng. HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.	

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐS. Nguyễn Văn Nền



PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thanh